TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ GIAO THÔNG VẬN TẢI

PHÒNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ HỌC TẬP LỚP 65DCCS21
HỌC KỲ 1 - NĂM HỌC 2016-2017

STT	SINH VIÊN / HỌC PHẦN				DC2CT31_Địa chất công trình (2)		DC2GT54_Đồ án kết cấu BTCT (1)		DC2GT34_Đồ án nền và móng (1)		DC2CO11_Hình hoạ - Vẽ kỹ thuật (4)		DC2GT52_Kết cấu BTCT (3)		DC2GT51_Kết cấu thép (2)		DC2GT33_Nền và móng (3)		DC1LL02_Những nguyên lý cơ bản của CN Mác -		DC2GT61_Thủy lực - Thủy văn công trình (4)		DC1TT42_Tin học đại cương (3)		DC2CT16_Trắc địa (3)										Tổng số HP thi lại	Tiền thi lại
	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ										2,025,000
1	65DCCS20667	Nguyễn Viết	Ba	25/09/1996			2.3	F	2.1	F			5.8	C	2.6	F	2.0	F			3.3	F	7.3	B											5	75,000
2	65DCCS20662	Đinh Sơn	Bách	22/04/1996			6.2	C+	3.1	F			4.4	D	3.5	F	4.0	D			3.9	F													3	45,000
3	65DCCS20668	Nguyễn Văn	Bách	16/03/1996			2.4	F	2.3	F			5.6	C	3.1	F	2.4	F			3.0	F													5	75,000
4	65DCCS23856	Vương Hồng	Chuyên	14/10/1995	4.6	D	2.1	F	2.7	F			5.8	C	2.6	F	2.3	F			2.1	F													5	75,000
5	65DCCS20640	Trần Văn	Duẩn	01/05/1996			1.8	F	2.5	F			3.4	F	3.3	F	2.0	F			3.3	F													6	90,000
6	65DCCS22470	Đỗ Viết	Đạo	14/09/1996			6.3	C+	4.6	D			5.4	D+	2.2	F	3.3	F			3.3	F													3	45,000
7	65DCCS22719	Phạm Tuấn	Giang	18/02/1996			2.0	F	0.0	F			4.7	D	2.1	F	0.0	F			2.4	F													3	45,000
8	65DCCS20649	Nguyễn Đình	Hải	01/08/1996			2.3	F	2.3	F			4.4	D	2.0	F	3.9	F			3.9	F			3.6	F									6	90,000
9	65DCCS20672	Phạm Thị	Hằng	05/11/1996			7.0	B	7.0	B			5.4	D+	3.2	F	3.4	F			2.6	F			4.7	D									3	45,000
10	65DCCS20639	Nguyễn Đức	Hòa	12/11/1996			5.8	C	3.5	F			6.1	C+	2.2	F	4.2	D			3.2	F			2.2	F									4	60,000
11	65DCCS20645	Bùi Thanh	Huấn	15/08/1990			2.1	F	0.0	F			2.9	F	2.1	F	0.0	F																	3	45,000
12	65DCCS23357	Nguyễn Đức	Huy	17/10/1996			1.8	F	2.8	F			1.7	F	2.2	F	1.9	F	0.0	F	1.2	F	5.9	C											6	90,000
13	65DCCS22718	Phạm Xuân	Khôi	18/11/1996			5.5	C	3.1	F			5.8	C	2.7	F	4.5	D			4.9	D													2	30,000
14	65DCCS20664	Trần Trọng	Kiên	09/08/1996			2.4	F	0.0	F			0.8	F	2.1	F	0.0	F																	3	45,000
15	65DCCS20638	Trịnh Trung	Kiên	20/04/1995			8.4	B+	3.0	F			6.4	C+	2.2	F	3.5	F	5.4	D+	3.5	F	7.3	B											4	60,000
16	65DCCS20647	Trương Đức	Long	05/08/1996					0.0	F			0.8	F	2.3	F	0.0	F																	2	30,000
17	65DCCS20652	Nguyễn Công	Lực	28/08/1995			2.4	F	2.8	F			5.1	D+	2.0	F	2.0	F			5.1	D+													4	60,000
18	65DCCS20661	Đào Ngọc	Minh	03/04/1996			4.2	D	3.0	F			5.1	D+	3.1	F	3.2	F			5.3	D+													3	45,000
19	65DCCS23359	Đỗ Tiến	Nam	09/03/1995					0.0	F			0.8	F	2.7	F	0.0	F			1.6	F	2.1	F											4	60,000
20	65DCCS22823	Nguyễn Đình	Nam	24/02/1995			7.6	B	7.3	B			7.2	B	6.6	C+	6.0	C+			6.3	C+														
21	65DCCS20379	Trịnh Ngọc	Nam	22/10/1996			7.6	B	3.8	F			4.3	D	4.4	D	4.2	D			5.4	D+	5.9	C											1	15,000
22	65DCCS24403	Phạm Văn	Phúc	25/02/1996			4.8	D	3.1	F			4.4	D	5.2	D+	4.0	D			1.7	F													2	30,000
23	65DCCS23082	Phạm Văn	Phương	13/06/1996			8.0	B+	3.7	F			6.8	C+	4.6	D	4.5	D			2.6	F													2	30,000
24	65DCCS20656	Hoàng Minh	Quân	07/08/1996			2.6	F	2.1	F			6.0	C+	3.5	F	3.2	F			4.8	D													4	60,000
25	65DCCS23360	Phạm Mạnh	Quân	25/12/1996			5.5	C	7.0	B			4.8	D	4.7	D	3.8	F			1.9	F													2	30,000
26	65DCCS20648	Nguyễn Đức	Quyền	13/07/1996			2.1	F	2.4	F			4.0	D	5.8	C	4.8	D			4.3	D	2.4	F											3	45,000
27	65DCCS20655	Toàn Mạnh	Quyền	26/04/1996			6.3	C+	2.1	F			5.6	C	3.3	F	2.6	F			4.5	D													3	45,000
28	65DCCS23855	Nguyễn Đức	Thành	06/05/1996			2.1	F	2.3	F			3.8	F	2.7	F	2.1	F	5.4	D+	1.5	F													6	90,000
29	65DCCS23361	Trương Văn	Thắng	21/11/1996			4.4	D	3.8	F			5.3	D+	4.3	D	3.6	F			4.5	D													2	30,000
30	65DCCS20641	Vũ Văn	Thiện	13/04/1995			2.1	F	3.7	F			4.8	D	2.3	F	3.0	F			5.2	D+													4	60,000
31	65DCCS22716	Bùi Anh	Thiết	27/07/1996			8.5	A	9.0	A			8.2	B+	6.8	C+	6.0	C+			6.9	C+														

STT	SINH VIÊN / HỌC PHẦN				DC2CT31_Địa chất công trình (2)		DC2GT54_Đồ án kết cấu BTCT (1)		DC2GT34_Đồ án nền và móng (1)		DC2CO11_Hình hoạ - Vẽ kỹ thuật (4)		DC2GT52_Kết cấu BTCT (3)		DC2GT51_Kết cấu thép (2)		DC2GT33_Nền và móng (3)		DC1LL02_Những nguyên lý cơ bản của CN Mác -		DC2GT61_Thủy lực - Thủy văn công trình (4)		DC1TT42_Tin học đại cương (3)		DC2CT16_Trắc địa (3)										Tổng số HP thi lại	Tiền thi lại
	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ										2,025,000
32	65DCCS20457	Ngô Văn	Tiến	08/06/1996			3.8	F	2.8	F			4.5	D	2.3	F	2.7	F	6.0	C+	3.5	F	7.3	B											5	75,000
33	65DCCS20663	Lê Văn	Trình	28/03/1994			2.1	F	3.7	F			3.7	F	3.1	F	2.2	F	2.3	F	1.4	F	6.7	C+											7	105,000
34	65DCCS20670	Phạm Anh	Tuấn	28/05/1996			2.3	F	2.1	F			4.0	D	2.2	F	1.9	F			5.5	C													4	60,000
35	65DCCS20671	Vũ Bá	Tuấn	08/06/1996			2.1	F	2.0	F			6.3	C+	3.8	F	3.6	F	2.0	F	5.0	D+	5.8	C											5	75,000
36	65DCCS20644	Hoàng Nhật	Tùng	04/09/1996			4.8	D	3.5	F			1.9	F	2.4	F	4.2	D			5.2	D+													3	45,000
37	65DCCS23362	Nguyễn Thanh	Tùng	13/08/1996			6.9	C+	5.6	C			6.5	C+	4.4	D	5.9	C			2.2	F													1	15,000
38	65DCCS22715	Lại Thế	Tường	29/03/1995			2.7	F	2.1	F	7.1	B	3.0	F	2.3	F	5.6	C			2.4	F													5	75,000
39	65DCCS22471	Nguyễn Anh	Văn	03/04/1996	5.6	C	4.8	D	4.4	D			6.6	C+	4.4	D	5.2	D+			3.9	F													1	15,000
40	65DCCS22714	Nguyễn Đức	Việt	01/03/1996			5.6	C	2.8	F			5.6	C	5.1	D+	7.3	B			6.6	C+													1	15,000